

UBND HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG PTDTBT TH SỐ 2 SÁ TỎNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /QĐ-THS2ST

Sá Tởng, ngày 10 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2025
của trường PTDTBT Tiểu học số 2 Sá Tởng

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-PGD ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà về việc giao dự toán cho các đơn vị trường mầm non, tiểu học, THCS năm 2024 và quyết định 404/ QĐ-PGD ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà việc giao dự toán cho các đơn vị trường để thực hiện chế độ chính sách nghị định 116/2016/ND-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, chính sách với người khuyết tật, chính sách hỗ trợ theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ, chính sách hỗ trợ theo nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ, chính sách hỗ trợ học tập HS dân tộc rất ít người theo Nghị định 57/2016/ND-CP 4 tháng cuối năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường PTDTBT Tiểu học số 2 Sá Tởng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2025 của trường PTDTBT Tiểu học số 2 Sá Tởng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán trường PTDTBT Tiểu học số 2 Sá Tởng và các bộ phận chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Lưu :VT, KT



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Đức

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng
Chương : 622

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI QUÝ I NĂM 2025
Tính từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
(Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU	2.233.442.033	
I	Tổng số thu		
1	Thu phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Thu viện trợ		
4	Thu sự nghiệp khác		
II	Số thu nộp ngân sách NN		
1	Phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Thu sự nghiệp khác		
III	Số được để lại chi theo chế độ		
1	Phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Thu viện trợ		
4	Thu sự nghiệp khác		
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NN	2.233.442.033	
I	Loại 070 khoản 071	2.233.442.033	
1	Chi thanh toán cá nhân	2.143.789.709	
2	Chi về hàng hóa dịch vụ	89.652.324	
3	Chi khác		

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Đức

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng
Chương : 622

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN
NGUỒN KHÁC QUÝ I NĂM 2025
Tính từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu	2.233.442.033	
I	Tổng số thu		
1	Thu phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Thu viện trợ		
4	Thu sự nghiệp khác		
II	Số thu nộp ngân sách NN		
1	Phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Thu sự nghiệp khác		
III	Số được để lại chi theo chế độ		
1	Phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Thu viện trợ		
4	Thu sự nghiệp khác		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.233.442.033	
I	Loại 070 khoản 071	2.233.442.033	
	Nhóm1: Thanh toán cá nhân	2.143.789.709	
	Mục 6000: Tiền lương	645.443.765	
	6001: Lương bậc theo quỹ lương	645.443.765	
	Mục 6050	17.802.000	
	6051: Tiền công theo hợp đồng	17.802.000	
	Mục 6100 : Phụ cấp lương	822.608.263	
	6101: PC Chức vụ	10.084.230	
	6102: Khu vực	98.280.000	
	6103: Phụ cấp thu hút	9.140.040	
	6112 : Phụ cấp ưu đãi nghề	425.601.540	
	6113 : Phụ cấp trách nhiệm	54.548.910	
	6115 : Phụ cấp thâm niên	90.169.543	

6121 : Phụ cấp lâu năm ở vùng KT-XHDBKK	134.784.000	
Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	484.427.500	
6157: Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	1.050.000	
6199: Các khoản hỗ trợ khác	483.377.500	
Mục 6250 : Phúc lợi tập thể	450.000	
6299 : Chi khác	450.000	
Mục 6300 : Các khoản đóng góp	173.058.181	
6301: Bảo hiểm xã hội	127.546.440	
6302 : Bảo hiểm y tế	22.871.055	
6303 : Kinh phí công đoàn	15.017.000	
6304 : Bảo hiểm thất nghiệp	7.623.686	
Nhóm 2 : Chi về hàng hóa dịch vụ	89.652.324	
Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	4.586.424	
6501: Thanh toán tiền điện	4.586.424	
Mục 6550: Vật tư văn phòng	11.450.000	
6551: Văn phòng phẩm	3.000.000	
6599 : Vật tư văn phòng khác	8.450.000	
Mục 6600: Thông tin , tuyên truyền, liên lạc	4.585.900	
6605 Cước internet	759.000	
6606 : Tuyên truyền , quảng cáo	3.826.900	
Mục 6900 : Sửa chữa tài sản phục vụ chuyên môn	61.530.000	
6707: Nhà cửa	8.080.000	
6912 : Các thiết bị công nghệ thông tin	2.550.000	
6913 : Tài sản và thiết bị văn phòng	2.600.000	
6949: Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	6.950.000	
6913 : Tài sản và thiết bị văn phòng	41.350.000	
Mục 7050 : Mua sắm tài sản vô hình	7.500.000	
7053: Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	7.500.000	

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Đào